

## NGHIÊN CỨU THỰC TRẠNG KHAI THÁC LÂM SẢN NGOÀI GỖ LÀM THUỐC VÀ THỰC PHẨM TẠI KHU BẢO TỒN THIÊN NHIÊN PHONG QUANG TỈNH HÀ GIANG

Trần Quốc Hưng<sup>1</sup>, Nguyễn Bá Tuyên<sup>2</sup>

<sup>1</sup>Trường Đại học Nông Lâm Thái Nguyên

<sup>2</sup>Trường Cao đẳng nghề, Hà Giang

Lâm sản ngoài gỗ (LSNG) là một bộ phận quan trọng của hệ sinh thái rừng. Phát triển LSNG thực chất là làm tăng giá trị kinh tế của rừng, để kinh doanh tổng hợp tài nguyên rừng và để bảo vệ rừng (La Quang Độ, 2001; Võ Đại Hải & Lê Sỹ Trung, 2012). Hoạt động phát triển LSNG còn bị chi phối bởi yếu tố xã hội và nhân văn như việc hoạch định các chính sách, việc bố trí phân công lao động cũng như các chế độ hưởng lợi trong phát triển rừng. Người sinh sống trong vùng, khai thác và sử dụng LSNG như là một trong những kế sinh nhai tất yếu về quyền cũng như nhu cầu được hưởng lợi về rừng. Vì vậy, LSNG góp phần tích cực trong các chương trình xóa đói, giảm nghèo của nhà nước (Nguyễn Ngọc Bình & Phạm Đức Tuấn, 2001; Đỗ Hoàng Sơn & Đỗ Văn Tuấn, 2007)

Khu BTTN Phong Quang thuộc vùng biên giới phía bắc tỉnh Hà Giang nằm trên địa bàn 05 xã: xã Phong Quang, Minh Tân, Thanh Thủy và Thuận Hòa, huyện Vị Xuyên; phường Quang Trung, Thành phố Hà Giang. Được ghi nhận là nơi có tính đa dạng về thành phần loài, về hệ sinh thái và trạng thái rừng với khu hệ động thực vật quý hiếm có giá trị bảo tồn nguồn gen. Theo thống kê chưa đầy đủ, ở khu vực này có khoảng 1.133 loài thực vật bậc cao, trong đó có nhóm cây làm thực phẩm và cây thuốc. Đây là nhóm cây được người dân khai thác dưới nhiều hình thức. Hơn thế, trong khi thu hái người dân địa phương chưa chú ý đến khai thác bền vững nên cần có sự hướng dẫn của cán bộ địa phương cũng như tổ chức các đợt tuyên truyền để nhân dân khai thác một cách bền vững. Khu vực Phong Quang thuộc vùng núi cao nằm dọc biên giới Việt Nam - CHDCND Trung Hoa, giao thông đi lại khó khăn, các dân tộc sinh sống trong Khu Bảo tồn thiên nhiên có dân tộc H'Mông, Dao,... do đó việc nghiên cứu các loài thực vật nói chung và các loài thực vật có thể ăn được, từ đó đề xuất một số biện pháp bảo tồn, phát triển một số loài có giá trị nhằm cải thiện cuộc sống và nâng cao nhận thức của người dân trong việc bảo vệ tài nguyên thiên nhiên là rất quan trọng.

Bài báo này được hoàn thành trong khuôn khổ của đề tài thạc sĩ nhằm đánh giá thực trạng để góp phần sử dụng hợp lý LSNG và nâng cao hiệu quả bảo tồn đa dạng sinh học tại Khu Bảo tồn thiên nhiên Phong Quang, tỉnh Hà Giang.

### I. ĐỐI TƯỢNG VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

#### 1. Đối tượng nghiên cứu

Các loài cây lâm sản ngoài gỗ (LSNG) hiện có ở Khu bảo tồn dùng làm thuốc và thực phẩm.

#### 2. Phương pháp nghiên cứu

\* **Khảo sát:** Khảo sát tình hình chung ở cả vùng Khu bảo tồn và cụ thể tại 2 xã (Minh Tân và Phong Quang).

\* **Phỏng vấn:** Phỏng vấn cán bộ địa phương và khu bảo tồn: Nhằm tìm hiểu tình hình chung về kinh tế - xã hội của thôn, tình hình chung về quản lý rừng và đất rừng của Khu bảo tồn, các chính sách, chương trình thực hiện tại vùng đệm và việc sử dụng LSNG, TNR của các cộng đồng địa phương trong vùng đệm.

- Phỏng vấn hộ gia đình: được thực hiện tại 02 xã (mỗi xã chọn 30 hộ gia đình làm cộng tác viên điểm). Các hộ phỏng vấn được lựa chọn theo phương pháp lấy mẫu phân tầng ngẫu nhiên. Tiêu chuẩn của các cộng tác viên này là: Biết khai thác/chế biến các LSNG; Có kiến thức/kỹ năng thực hành; Am hiểu truyền thống quản lý, sử dụng LSNG của cộng đồng; Sử dụng tốt hai thứ tiếng phổ thông và tiếng Dao; Đại diện cho các thành phần khác trong thôn bản như: lứa tuổi, lãnh đạo thôn, giới, thành phần kinh tế, mối quan tâm. Điều quan trọng nhất khi phỏng vấn là đề nghị người cung cấp tin liệt kê đầy đủ tên những loài LSNG được người dân trong vùng sử dụng làm thuốc, thực phẩm bằng tiếng dân tộc của họ để tránh được sự nhầm lẫn tên cây giữa các ngôn ngữ, văn hóa khác nhau.

\* **Thảo luận nhóm:** Phương pháp này được thực hiện sau khi thực hiện công cụ phỏng vấn hộ gia đình. Các cuộc thảo luận được tiến hành dựa trên khung thảo luận chuẩn bị sẵn.

\* **Điều tra thu thập số liệu trên tuyến và các ô tiêu chuẩn:** Điều tra theo tuyến với người cung cấp thông tin quan trọng: Đây là phương pháp thường được áp dụng trong điều tra tài nguyên thực vật (Đặng Kim Vui, 2012).

## II. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU VÀ THẢO LUẬN

### 1. Những loài lâm sản ngoài gỗ được người dân trong vùng sử dụng làm thuốc và thực phẩm

Kết quả nghiên cứu cho thấy hầu hết các loài LSNG tại Khu bảo tồn chủ yếu khai thác từ rừng tự nhiên, thuộc vùng đệm hoặc khu bảo vệ nghiêm ngặt của vườn. Số lượng loài được người dân trong vùng sử dụng làm thuốc và thực phẩm có tới 398 loài, trong đó nhóm thực vật cho LSNG làm thuốc được khai thác chủ yếu trong rừng tự nhiên chiếm tới 277 loài (69,6%) và nhóm thực vật cho lương thực thực phẩm 31 loài chiếm 7,8% vừa làm thuốc và thực phẩm có 90 loài chiếm 22,6%.

\* **Nhóm cây thuốc:** Nhóm cây thuốc có 277 loài, trong đó: Sử dụng cả cây 101 loài, chiếm 36,5%; rễ 51 loài, chiếm 18,4%; lá 40 loài, chiếm 14,4%; thân 39 loài, chiếm 14,1%; vỏ 23 loài chiếm 8,3%; củ 6 loài, chiếm 2,2 %, hạt và quả 05 loài, chiếm 1,8%; cành 03 loài, chiếm 1,1% và sau cùng là nhóm củống, dây, lá, lõi, nhộng trong thân. Trong đó tập trung và một số loài và nhóm loài được khai thác sử dụng cụ thể như sau:

- **Những loài khai thác cả cây, thân và dây:** Nghiên cứu thống kê được có 40 loài khai thác được cả cây (thân, dây leo) như: Dùi trống, Mã đề, Lá khô trắng, Mẫu câu đắng, Ké hoa đào, Thủy xương bồ, Nhân trần, Lục lạc lá tròn, Chó đẻ răng cưa, Rau má tía, Xích đồng nam,... chúng được thu hái quanh năm. Người dân địa phương cũng khai thác những thân cây, dây leo đã già không lấy phần ngọn. Nếu hiếm gặp thì lấy thân, dây ở dạng bánh tẻ.

- **Những loài khai thác lá:** có 22 loài sử dụng lá để chữa bệnh như: Cỏ hôi, Đu đủ rừng, Lọng bàng, Chạc chiu, Ba chạc, Kim sương, Bạc thau hoa đầu,... các loài này người dân thường lấy lá ở bất kỳ vị trí nào trên cây, cành. Theo các thầy lang thì có thể dùng cả lá già và lá non. Trên một cây lấy hết được các lá chỉ có những lá bị khô, lá vàng, lá bệnh là bỏ. Nếu khai thác với số lượng nhỏ vừa đủ cho một thang thuốc thì sẽ chọn lá to, tốt đẹp nhất của cây, cành.

- **Những loài khai thác rễ, củ:** Nghiên cứu thống kê được có 20 loài sử dụng củ, rễ làm thuốc như: Sâm cau, Sâm bông bông, Chia vôi, Đắng sâm, Củ gió, Sắn dây rừng,... Các thầy lang thường thuê người dân khai thác các loại củ, rễ già (một số loài có màu sắc đặc trưng: vàng, đỏ, đen,...) thường thì người dân không khai thác những cây còn non mà họ chỉ khai thác những cây già, bởi theo các thầy lang cho biết họ chỉ thu mua những cây, củ, rễ đã vào thời kỳ già hoặc bánh tẻ để làm thuốc vì như vậy vị thuốc mới có tác dụng tốt và cũng là để cây non phát triển

được. Hình thức thu hái của họ chủ yếu là dùng dao, thuổng, cuốc để đào và lấy hết toàn bộ củ, rễ trừ một số loài cây lớn có nhiều rễ to họ để lại một phần.

- *Những loài khai thác vỏ*: Nghiên cứu thống kê có 16 loài là: Cáng lò, Ngũ gia bì gai, Tổng quan sử, Quế rừng, Còi,... người dân lấy vỏ cây làm thuốc. Họ dùng dao để đẽo vỏ, cả vỏ non, vỏ già đều làm thuốc được nhưng vỏ già sẽ tốt hơn.

- *Những loài khai thác quả, hạt, nhựa*: Nghiên cứu thống kê có 22 loài là: Ké đầu ngựa, Thảo quả, Sẹ, Nhọ nồi hải nam, Nút áo tròn,... Đối với các loài cây thuốc nói trên khi các bộ phận thu hái khác nhau hoặc cách thức pha chế, chế biến khác nhau sẽ có những công dụng khác nhau vì vậy cần hết sức chú ý, có những vị thuốc dùng riêng cũng phát huy tác dụng nhưng có những loại phải dùng phối hợp nhiều loài với nhau để chữa bệnh và phát huy hết được dược tính.

\* **Nhóm thực phẩm**: Nhóm làm thực phẩm ghi nhận được 31 loài, trong đó: Rễ 13 loài, chiếm 41,9%; cả cây 08 loài, chiếm 25,8%; lá và vỏ 03 loài, chiếm 9,7%; măng 02 loài, chiếm 6,5% và sau cùng là nhóm rễ, thân.

- *Những loài khai thác thân, lá*: Đề tài thống kê được 21 loài làm thực phẩm có bộ phận thu hái là thân và lá làm rau ăn, những đại diện: Rau dớn, Trúc đen, Cúc nút vàng, Chè đắng, Rau má,... Người dân thường chọn những lá còn non, bánh tẻ,... ở bất kỳ vị trí nào trên cây. Tuy từng loài nhưng thường là những lá có màu xanh nhạt. Thời điểm khai thác có thể ở các tháng khác nhau trong năm tùy thuộc từng loài cụ thể. Ngoài ra người dân còn sử dụng các bộ phận thân, lá để chăn nuôi...

- *Những loài khai thác củ*: Kết quả đã thống kê được 06 loài như: Nghệ, Từ nhật bản, Bìm cánh,... người dân địa phương khai thác chủ yếu theo kinh nghiệm quan sát lá ở gốc cây rụng hoặc chuyển sang màu vàng, ở ngọn có ít hoặc không có chồi non sinh trưởng vì ở giai đoạn đó củ mới tích lũy được nhiều tinh bột, dinh dưỡng.

- *Những loài khai thác quả*: Nghiên cứu thống kê được 17 loài người dân thường khai thác quả già hoặc quả chín. Họ căn cứ vào màu sắc, hình dạng, kích thước của quả. Có một số loại khác người dân thu hái khi chúng còn xanh như: Sấu, Dọc, Tai chua, Trám trắng, Đậu mèo,...

Bảng 1

Các loài LSNG làm thuốc, hình thức khai thác và mức độ thường gặp

TT	Tên phổ thông	Tên khoa học	Mức độ thường gặp	TT	Tên phổ thông	Tên khoa học	Mức độ thường gặp
<b>Khai thác cả cây</b>				<b>Khai thác rễ, củ</b>			
1	Dùi trống	<i>Dichrocephala benthamii</i> C. B. Clarke	+	63	Đơn đò gọng	<i>Cyathula prostrata</i> (L.) Blume	++
2	Nhọ nồi	<i>Eclipta prostrata</i> (L.) L.	+	64	Đảng sâm	<i>Codonopsis javanica</i> (Blume) Hook. f. & Thoms.	+
3	Rau má tía	<i>Emilia sonchifolia</i> (L.) DC.	++	65	Mã đậu linh lá to	<i>Aristolochia kaempferi</i> Willd.	+
4	Cỏ sữa nằm	<i>Euphorbia prostrata</i> Ait.	++	66	Biển hoá núi cao	<i>Asarum balansae</i> Franch.	++
5	Cỏ sữa đất	<i>Euphorbia thymifolia</i> L.	++	67	Ngân đằng	<i>Codonopsis celebica</i> (Blume) Thuan	++
6	Chó đẻ răng cưa	<i>Phyllanthus urinaria</i> L.	++	68	Gạo	<i>Bombax malabaricum</i> DC.	++
7	Lục lạc ba lá tròn	<i>Crotalaria pallida</i> Ait.	+	69	Sâm ruộng	<i>Wahlenbergia marginata</i>	+

HỘI NGHỊ KHOA HỌC TOÀN QUỐC VỀ SINH THÁI VÀ TÀI NGUYÊN SINH VẬT LẦN THỨ 7

						(Thunb.) A. DC.	
8	Kính giới rừng	<i>Elsholtzia blanda</i> (Benth.) Benth.	+	70	Sâm thom	<i>Heteropanax fragrans</i> (Roxb.) Seem.	+
9	Kính giới hoa bông	<i>Elsholtzia communis</i> (Coll. et Hemsl.) Diels	+	71	Sâm bông bông	<i>Curculigo orchioides</i> Gaertn.	++
10	Tiêu kì dĩnh	<i>Teucrium viscidum</i> Blume	+	72	Bách bộ	<i>Stemona tuberosa</i> Lour.	++
11	Ké hoa đào	<i>Urena lobata</i> L.	++	73	Sắn dây rừng	<i>Pueraria montana</i> (Lour.) Merr.	++
12	Thiên kim đằng	<i>Stephania japonica</i> var. <i>discolor</i> (Blume) Forman	+	74	Sâm cau	<i>Peliosanthes teta</i> Andr.	+
13	Lôi tiên	<i>Stephania longa</i> Lour.	+	75	Hoàng tinh hoa trắng	<i>Disporopsis longifolia</i> Craib.	+
14	Lá khô trắng	<i>Ardisia gigantifolia</i> Stapf	++	76	Củ gió	<i>Tinospora sagitata</i> (Oliv.) Gangep.	++
15	Cơm nguội độc	<i>Ardisia virens</i> Kur	+	77	Chay bắc bộ	<i>Artocarpus tonkinensis</i> A. Chev. ex Gagnep.	++
16	Thiên lý hương	<i>Embelia parviflora</i> Wall. ex A. DC.	++	78	Ngái vàng	<i>Ficus fulva</i> Reinw. ex Blume	+
17	Càng cua bốn lá	<i>Peperomia tetraphylla</i> (G. Forst.) Hook. & Arn.	+	79	Thiến thảo	<i>Rubia cordifolia</i> L.	++
18	Lá lốt	<i>Piper lolot</i> C. DC.	++	80	Cà đại hoa tím	<i>Solanum indicum</i> L.	+++
19	Mã đề trồng	<i>Plantago major</i> L.	++	81	Tai mèo	<i>Abroma augusta</i> (L.) L. f.	+
20	Dây vàng trắng	<i>Clematis granulata</i> (Fin. & Gangep.) Ohwi	+	82	Hồi đầu thảo	<i>Tacca plantaginea</i> (Hance) Drenth	++
21	Bướm bạc tự khai	<i>Mussaenda dehiscens</i> Craib	++		<b>Khai thác vỏ</b>		
22	Câu đặng lá mô	<i>Uncaria rhynchophylla</i> (Miq.) Miq. ex Havil.	++		Gạo	<i>Bombax malabaricum</i> DC.	++
23	Bưởi bung	<i>Acronychia pedunculata</i> (L.) Miq.	++	84	Vả	<i>Ficus auriculata</i> Lour.	++
24	Nhân trần	<i>Adenosma caeruleum</i> R. Br.	++	85	Ngũ gia bì gai	<i>Acanthopanax trifoliatum</i> (L.) Voss.	+
25	Huyền sâm	<i>Scrophularia ningpoensis</i> Hemsl.	+	86	Đáng chân chim	<i>Schefflera heptaphylla</i> (L.) Fordin	+
26	Tô liên cùng màu	<i>Torenia concolor</i> Lindl.	+	87	Tổng quán sủ	<i>Alnus nepalensis</i> D. Don	+
27	Lu lu đực	<i>Solanum nigrum</i> L.	++	88	Cáng lò	<i>Betula alnoides</i> Buch.-Ham. in DC.	++
28	Thầu kén lá hẹp	<i>Helicteres angustifolia</i> L.	++	89	Vàng anh	<i>Saraca dives</i> Pierre	++
29	Thầu kén long	<i>Helicteres hirsuta</i> Lour.	++	90	Sòi tía	<i>Sapium discolor</i> (Champ. ex Benth.) Muell.-Arg.	+
30	Thuốc dòi long	<i>Gonostegia hirta</i> (Blume) Miq.	+	91	Trầu trơn	<i>Vernicia fordii</i> (Hemsl.) Airy-Shaw	+
31	Ngọc nữ hôi	<i>Clerodendrum bungei</i> Steud.	++	92	Coi bắc bộ	<i>Pterocarya stenoptera</i> C. DC. var. <i>tonkinensis</i> Franch.	++
32	Xích đồng nam	<i>Clerodendrum japonicum</i> (Thunb.) Sweet	++	93	Quế rừng	<i>Cinnamomum iners</i> Reinw. ex Blume	++
33	Cỏ roi ngựa	<i>Verbena officinalis</i> L.	++	94	Trường nát	<i>Trichilia connaroides</i> (Wight & Arn.) Benth.	+
34	Chè dây	<i>Ampelopsis cantoniensis</i> (Hook. & Arn.) Planch.	++	95	Cọ kiêng	<i>Albizia chinensis</i> (Osbeck) Merr.	+

TIÊU BAN TÀI NGUYÊN SINH VẬT

35	Tư thư thân đẹp	<i>Tetrastigma planicaule</i> (Hook. f.) Gagnep.	++	96	Sung	<i>Ficus racemosa</i> L.	++
36	Thuỷ xương bò	<i>Acorus gramineus</i> Sol. ex Aiton	+	97	Sểu	<i>Celtis sinensis</i> Pers.	++
37	Kim điệp	<i>Dendrobium fimbriatum</i> Dalzell	+	98	Mạn kinh	<i>Vitex quinata</i> (Lour.) Williams	+
38	Thanh thiên quý	<i>Nervilia fordii</i> (Hance) Schlechter	+		<b>Khai thác quả, hạt, nhựa</b>		
39	Sậy núi	<i>Phragmites karka</i> (Retz.) Trin. ex Steud.	++	99	Thôi ba	<i>Alangium chinense</i> (Lour.) Harms	+
40	Trọng lâu nhiều lá	<i>Paris polyphylla</i> Sm.	+	100	Cúc chi thiên	<i>Elephantopus scaber</i> L.	++
	<b>Khai thác lá</b>			101	Nút áo tròn	<i>Spilanthes callimorpha</i> A. Moore	++
41	Thôi ba	<i>Alangium chinense</i> (Lour.) Harms	+	102	Ké đầu ngựa	<i>Xanthium strumarium</i> L.	++
42	Đu đủ rừng	<i>Trevesia palmata</i> (Roxb. ex Lindl.) Visan.	+	103	Dây giun	<i>Quisqualis indica</i> L.	+
43	Cỏ hôi	<i>Trevesia palmata</i> (Roxb. ex Lindl.) Visan.	++	104	Dây pọp	<i>Zehneria indica</i> (Lour.) Keraudren	+
44	Nhân trần bắc	<i>Artemisia capillaris</i> Thunb.	++	105	Ba đậu	<i>Croton tiglium</i> L.	++
45	Đại bi	<i>Blumea balsamifera</i> (L.) DC.	++	106	Thần mát	<i>Millettia ichthyotona</i> Drake	+
46	Nút áo tròn	<i>Spilanthes callimorpha</i> A. Moore	++	107	Lọ nồi hải nam	<i>Hydnocarpus hainanensis</i> (Merr.) Sleum.	+
47	Chò xanh	<i>Terminalia myriocarpa</i> Heurck & Muell. Arg.	++	108	Hồi	<i>Illicium verum</i> Hook. f.	+
48	Bạc thau hoa đầu	<i>Argyrea capitata</i> (Vahl) Choisy	++	109	Ngâu nhót	<i>Aglaiia elaeagnoidea</i> (A. Juss.) Benth.	++
49	Lọng bàng	<i>Dillenia turbinata</i> Fin. & Gagnep	++	110	Dướng	<i>Broussonetia papyrifera</i> (L.) L'Hér. ex Vent.	+
50	Chắc chiu	<i>Tetracera scandens</i> (L.) Merr.	++	111	Vả	<i>Ficus auriculata</i> Lour.	++
51	Bồ cu vễ	<i>Breynia fruticosa</i> (L.) Hook. f.	++	112	Trâu cổ	<i>Ficus pumila</i> L.	+
52	Đơn đỏ	<i>Excoecaria cochinchinensis</i> Lour.	++	113	Ruối ô rô	<i>Streblus ilicifolius</i> (Vidal) Corn.	++
53	Ba chẽ	<i>Dendrolobium triangulare</i> (Retz.) Schindl.	++	114	Mâm xôi	<i>Rubus alcaefolius</i> Poir.	++
54	Chàm nhuộm	<i>Indigofera tinctoria</i> L.	++	115	Bướm bạc cambôt	<i>Mussaenda cambodiana</i> Pierre ex Pitard	+
55	Ràng ràng quả dầy	<i>Ormosia fordiana</i> Oliv.	++	116	Dầu choòng	<i>Delavaya toxocarpa</i> Franch.	+
56	Hồng quang	<i>Rhodoleia championii</i> Hook.	+	117	Bài cành	<i>Sterculia populifolia</i> Roxb. in Wall.	+
57	Mán đĩa	<i>Archidendron clypearia</i> (Jack) I. Nielsen	++	118	Sểu	<i>Celtis sinensis</i> Pers.	++
58	Bầm bầm	<i>Entada phaseoloides</i> (L.) Merr.	+	119	Sẹ	<i>Alpinia globosa</i> (Lour.) Horan.	++
59	Dây gân bông hẹp	<i>Gouania leptostachya</i> DC.	+	120	Thảo quả	<i>Amomum aromaticum</i> Roxb.	+

HỘI NGHỊ KHOA HỌC TOÀN QUỐC VỀ SINH THÁI VÀ TÀI NGUYÊN SINH VẬT LẦN THỨ 7

60	Ba chạc	<i>Euodia lepta</i> (Spreng.) Merr	++			
61	Kim sương	<i>Micromelum minutum</i> (Forst. f.) Wight & Arn.	+			
62	Rây leo lá hẹp	<i>Pothos scandens</i> L.	++			

(**Ký hiệu:** ++ +: tần suất gặp nhiều ; ++: tần suất gặp TB ; +: gặp ít)

Bảng 2

**Các loài LSNG làm thực phẩm, hình thức khai thác và mức độ thường gặp**

TT	Tên phổ thông	Tên khoa học	Mức độ thường gặp	TT	Tên phổ thông	Tên khoa học	Mức độ thường gặp
<b>Khai thác thân, lá làm thực phẩm</b>				<b>Khai thác củ</b>			
1	Rau dớn	<i>Diplazium esculentum</i> (Retz.) Sw.	+	22	Đảng sâm	<i>Codonopsis javanica</i> (Blume) Hook. f. & Thoms.	+
2	Nóng	<i>Saurauia tristyla</i> DC.	++	23	Bìm cánh	<i>Ipomoea cairica</i> (L.) Sweet	+
3	Bò khai	<i>Erythralium scandens</i> Blume	+	24	Bìm hoa vàng	<i>Merremia hederacea</i> (Burm. f.) Hallier'f.	+
4	Ngải cứu	<i>Artemisia vulgaris</i> L.	+++	25	Củ dại	<i>Dioscorea bulbifera</i> L.	+
5	Cúc nút vàng	<i>Blainvillea acmella</i> (L.) Phillipson	++	26	Từ nhật bản	<i>Dioscorea japonica</i> Thunb.	+
6	Rau sắng	<i>Melientha suavis</i> Pierre	+	27	Nghệ	<i>Curcuma longa</i> L.	+++
7	Dây pọp	<i>Zehneria indica</i> (Lour.) Keraudren	+	<b>Khai thác quả</b>			
8	Nhội	<i>Bischofia javanica</i> Blume	++	28	Tai chua	<i>Garcinia cowa</i> Roxb.	++
9	Rau má	<i>Emilia sonchifolia</i> (L.) DC.	++	29	Độc	<i>Garcinia multiflora</i> Champ. ex Benth.	++
10	Vối rừng	<i>Syzygium cuminii</i> (L.) Skells	++	30	Bứa lá thuôn	<i>Garcinia oblongifolia</i> Champ. ex Benth.	++
11	Chua me đất hoa đỏ	<i>Oxalis corymbosa</i> DC.	+	31	Dây pọp	<i>Zehneria indica</i> (Lour.) Keraudren	+
12	Mạch ba góc	<i>Fagopyrum esculentum</i> Moench.	+	32	Dâu da đất	<i>Baccaurea ramiflora</i> Lour.	+
13	Rau rệu	<i>Glycosmis pentaphylla</i> (Retz.) Correa	+	33	Đậu mè	<i>Mucuna pruriens</i> (L.) DC. var. <i>utilis</i> (Wall. ex Wight) Burck	++
14	Rập cá	<i>Piper lolot</i> C. DC.	+++	34	Cà ôi (lá) đỏ	<i>Castanopsis hystrix</i> A. DC.	+
15	Hồng bì đại	<i>Clausena excavata</i> Burm. f.	++	35	Dẻ gai ấn độ	<i>Castanopsis indica</i> (Roxb.) A. DC.	+
16	Kính giới rừng	<i>Elsholtzia blanda</i> (Benth.) Benth.	+	36	Trám trắng	<i>Canarium album</i> (Lour.) Raeusch.	+
17	Mã hồ	<i>Mahonia nepalensis</i> DC.	+	37	Sồi đỏ	<i>Lithocarpus corneus</i> (Lour.) Rehd. in L. Bailey	+
18	Nho đất	<i>Vitis balansaeana</i> Planch.	+	38	Dẻ ống	<i>Lithocarpus tubulosus</i> (Hickel & A. Camus) A. Camus	+
19	Búng bang	<i>Arenga westerhoutii</i> Griff.	++	39	Sồi đen	<i>Quercus variabilis</i> Blume	+
20	Trúc đen	<i>Phyllostachys nigra</i> (Lodd. ex Loud.) Munro	+	40	Mùng quân	<i>Flacourtia indica</i> (Burm. f.) Merr.	+
21	Trúc sào	<i>Phyllostachys pubescens</i> Mazel ex H. de Lehaie	++	41	Chay bắc bộ	<i>Artocarpus tonkinensis</i> A. Chev. ex Gagnep.	+
				42	Sấu	<i>Dracontomelum dupereanum</i>	+++
				43	Thảo quả	<i>Amomum aromaticum</i> Roxb.	++
				44	Sa nhân khế	<i>Amomum mengtzensense</i> H. T. Tsai & P. S. Chen	+

## 2. Đánh giá thực trạng khai thác và nguyên nhân làm suy giảm nguồn lâm sản ngoài gỗ làm thuốc và thực phẩm tại khu vực nghiên cứu

\* **Thực trạng khai thác:** Kết quả cho thấy với mức độ khai thác rất thường xuyên, lượng khai thác lớn nhằm đáp ứng nhu cầu hiện tại của hộ gia đình, cộng đồng và thị trường đồng thời cách khai thác tùy tiện chủ yếu từ tự nhiên, vì vậy đã dẫn đến việc không đảm bảo khả năng tồn tại của các loài LSNG này. Hiện nay, lượng khai thác, khả năng tìm thấy chúng ít hơn rất nhiều so với trước kia và có xu hướng ngày càng giảm đi. Do đó nhiều loài đang đứng trước nguy cơ biến mất tại địa phương, ví dụ như:

+ Các loài làm thuốc: Đẳng sâm, Sâm cau, Thanh thiên quỳ, Thổ tế tân, hoàng liên, Mã hồ, Lan kim tuyến

+ Các loài làm thực phẩm: Bò khai, rau Sắng, ...

### \* **Một số nguyên nhân chính**

Do việc phá rừng của người dân địa phương để khai thác lâm sản, lấy đất để trồng trọt,... nên tài nguyên rừng bị suy thoái, nguồn lâm sản ngoài gỗ bị đe dọa.

Nơi đây cuộc sống của người dân còn gặp nhiều khó khăn, diện tích đất canh tác nông nghiệp không lớn. Trồng trọt, chăn nuôi với quy mô nhỏ cho nên cuộc sống của người dân gắn bó với rừng. Người dân vào rừng thu hái, khai thác nguồn LSNG để phục vụ cuộc sống và đem bán nhưng thường bị lái buôn ép giá nên họ phải khai thác với số lượng nhiều thì mới có đủ tiền để chi tiêu cho sinh hoạt hàng ngày.

Do thói quen khai thác của người dân cứ thấy loài mình cần là lấy hết không đảm bảo sự tái sinh cho cây, đặc biệt việc chưa gây trồng trên vườn hộ cũng dẫn tới cạn kiệt nguồn LSNG này trong tự nhiên.

Do nhu cầu của thị trường ngày càng nhiều về mặt hàng thuốc chữa bệnh đặc biệt là việc thu mua với giá cao của các thương gia Trung Quốc đã làm giảm nghiêm trọng nguồn tài nguyên cây thuốc.

Do địa hình hiểm trở, phức tạp chủ yếu là núi cao, kết hợp với lực lượng kiểm lâm còn ít so với diện tích rừng cần quản lý vì vậy đã dẫn tới hạn chế trong công tác quản lý bảo vệ rừng tại đây.

## III. KẾT LUẬN

Kết quả nghiên cứu cho thấy tại khu vực nghiên cứu có sự đa dạng về thành phần loài LSNG, trong đó có tới 277 loài làm thuốc, 31 loài làm thực phẩm và 90 loài có cả 2 công dụng trên. Mặc dù con số trên chưa chắc chắn đã đầy đủ song nó cũng phản ánh thành phần loài thực vật LSNG dùng làm thuốc, thực phẩm ở đây hết sức phong phú. Điều này cho thấy tiềm năng để phát triển thực vật cho LSNG tại địa bàn là rất lớn. Tuy nhiên hiện nay do nhu cầu của thị trường về các loài LSNG làm thuốc và thực phẩm kết hợp với việc khai thác chúng một cách rất tùy tiện do đó làm ảnh hưởng rất lớn đến số lượng và khả năng tái sinh của các loài thực vật rừng, dẫn đến nhiều loài đang đứng trước nguy cơ biến mất tại địa phương. Đây cũng là các loài mà trong kết quả điều tra phỏng vấn và điều tra thực địa đều cho thấy số lượng bắt gặp còn rất ít hoặc hiếm gặp.

Trên các kết quả nghiên cứu, kiến nghị cần phải sớm có những biện pháp kịp thời để bảo tồn và phát triển nguồn gen các loài thực vật LSNG làm thuốc và thực phẩm tại đây.

### TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. **Nguyễn Ngọc Bình, Phạm Đức Tuấn**, 2001, *Trồng cây nông nghiệp, cây dược liệu và cây đặc sản dưới tán rừng*, Nxb. Nông nghiệp, Hà Nội.
2. **Báo cáo thường niên của Ban Quản lý khu bảo tồn Phong Quang – Hà Giang 2012 - 2015.**
3. **La Quang Độ**, 2001, *Tìm hiểu việc sử dụng thực vật rừng làm thuốc, rau ăn của nhân dân các xóm Bàn Cán, Nà Năm thuộc Vườn Quốc gia Ba Bể - tỉnh Bắc Kạn*, Trường Đại học Nông Lâm Thái Nguyên.
4. **Võ Đại Hải, Lê Sỹ Trung**, 2012, *sách chuyên khảo về Lâm sản ngoài gỗ dùng cho học viên cao học*, Nxb. Nông nghiệp, Hà Nội.
5. **Đỗ Hoàng Sơn, Đỗ Văn Tuấn** 2007, *Thực trạng khai thác, sử dụng và tiềm năng gây trồng cây thuốc tại Vườn Quốc gia Tam Đảo và vùng đệm*, Trường Đại học Nông Lâm Thái Nguyên.
6. **Đặng Kim Vui** 2012, *Khai thác và phát triển một số loài cây địa phương dùng làm men rượu phục vụ chế biến rượu đặc sản*, Đại học Thái Nguyên.

### **RESEARCH ON EXPLOITATION OF NON TIMBER FOREST PRODUCTS (NTFPs) FOR MEDICINES AND FOODS AT PHONG QUANG NATURE RESERVE, HA GIANG PROVINCE**

**Tran Quoc Hung, Nguyen Ba Tuyen**

#### **SUMMARY**

The present work documents 398 species of NTFPs from Phong Quang Nature Reserve of Ha Giang province which are used for medicines and foods. Within NTFPs, 277 species (69.6%) for medicines have been accounted whereas 31 species (7.8%) for food and 90 species (22,6%) for both medicines and foods. Although the data may be not enough, but it also fully reflects that composition of NTFPs used as medicines, food here is very rich. This shows the high potential to develop plants for NTFPs in the area. However, today market demand for NTFPs used as medicines and foods is high and exploitation of them is arbitrary. That greatly affect the amount and regeneration of forest plants. This causes many species in danger of disappearing in the area.

Based on our research findings, recommendations are needed urgently to conserve the valuable NTFPs.